TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUANG BÌNH** **TỈNH HÀGIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ - ST
Ngày 12/6/2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUANG BÌNH, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Xuân Hải
2. Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Thái Hùng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Quang Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST - HNGĐ ngày 24/5/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bàn Thị K, sinh năm 1998; nơi cư trú: Thôn Ch, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; số CCCD: 0021***03173, cấp ngày 06/4/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; vắng mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Văn D, sinh ngày 02/10/1994; nơi cư trú: Thôn Ch, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Về quan hệ hôn nhân

Trong đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, bản tự khai ngày 18/3/2024 nguyên đơn chị Bàn Thị K trình bày: Chị Bàn Thị K và anh Hoàng Văn D kết hôn với nhau từ ngày 03/3/2017 trên cơ sở tự nguyện của nhau và tổ chức đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, đến năm 2021 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban nhau được trong việc làm ăn, thường xuyên cãi vã. Vợ chồng cũng đã cùng nhau cố gắng khắc phục nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được hai năm, sống không còn quan tâm đến nhau. Nay chị K nhận thấy vợ chồng

không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục, vì vậy chị K đề nghị Toà án giải quyết cho chị K được ly hôn với anh D.

2. Về con chung:

Chị Bàn Thị K trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, cháu thứ nhất là Hoàng Phương H, sinh ngày 25/11/2015 và cháu thứ hai là Hoàng Thế Tr, sinh ngày 21/7/2017. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh D. Khi ly hôn chị K đề nghị tòa án giải quyết cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu H và Tr. Chị K cấp dưỡng cho anh D nuôi cháu Hoàng Phương H với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Cháu Hoàng Phương H và Hoàng Thế Tr có nguyện vọng được ở với bố.

3. Về phần tài sản, công nợ: Chị K trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh D nhưng anh D đi làm thuê cho công ty có lúc thì ở tỉnh Bắc Giang, có lúc thì ở tỉnh Bắc Ninh, không có mặt ở nhà nên Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho bà Lý Thị H, sinh năm 1976; trú tại: Thôn Ch, xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang, là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn D và đang sinh sống cùng nhà với anh D. Bà H cam kết giao tận tay các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh D nhưng từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa hôm nay anh D không đến Tòa án để trình bày yêu cầu của mình, cũng không có ý kiến bằng văn bản, tài liệu chứng từ gì cung cấp cho Tòa án. Anh D đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Tại biên bản xác minh ngày 02/5/2024 bà Lý Thị H là mẹ đẻ của anh D, hiện đang chung sống cùng địa chỉ với anh D cho biết: Bà H đã thông báo và giao lại thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho anh D theo đúng cam kết nhưng anh D có ý kiến do bận phải đi làm, không xin nghỉ được nên anh D không đến Tòa án để trình bày quan điểm của mình về việc chị K có đơn yêu cầu ly hôn. Bà H có hỏi quan điểm của anh D về việc chị K yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, anh D có quan điểm không nhất trí ly hôn với lý do các con còn nhỏ. Quá trình chung sống, chị K và anh D có 2 con chung, cháu thứ nhất tên Hoàng Phương H, sinh ngày 25/11/2015, cháu thứ hai tên là Hoàng Thế Tr, sinh ngày 21/4/2017, hiện nay cháu H và Tr đang ở với anh D và anh D gửi cho bà H chăm sóc các cháu H và Tr, hàng tháng anh D vẫn thường xuyên gửi tiền, chị K thỉnh thoảng cũng có gửi tiền về nhà cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu đảm bảo về điều kiện vật chất và học hành đầy đủ. Ngoài ra bà H còn cho biết thêm tình cảm vợ chồng giữa anh D và chị K đã xảy ra mâu thuẫn, thấy chị K và anh D cãi chửi nhau, do anh D và chị K đều đi làm thuê cho công ty ở ngoại tỉnh nên nguyên nhân cụ thể dẫn đến mâu thuẫn bà H không nắm được, do thời gian đã lâu nên bà H không nhớ được thời gian cụ thể, chỉ nhớ năm 2022 thấy chị K điện về trao đổi với bà H là do vợ chồng không hợp nhau nên chị K và anh D ly hôn, từ năm 2022 cho đến nay chị K mỗi lần đi làm thuê về thì không về chung sống với anh D mà chị K về nhà ngoại ở xã Hương Sơn, huyện Quang Bình sinh sống. Gia đình đã khuyên bảo chị K nhiều lần quay về chung sống với anh D

nhưng không có kết quả. Anh D và chị K đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay, chị K không về chung sống cùng với anh D. Anh D có quan điểm nếu vợ chồng phải ly hôn, anh D đề nghị được nuôi cả hai con H và Tr.

Đại diện Ủy ban nhân dân xã H, Trưởng thôn Ch, cán bộ tư pháp và Phó Chủ tịch Hội phụ nữ xã Y cho biết do cả chị K và anh D đều đang đi làm thuê ở ngoại tỉnh chỉ có ngày lễ, ngày tết, gia đình có công việc thấy anh D và chị K về nhà, nên nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không biết rõ nguyên nhân cụ thể, chỉ biết hiện tại chị K và anh D đã sống ly thân nhau, không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay cháu H và Tr đang ở với anh D và anh D gửi cho bà H chăm sóc, đảm bảo về điều kiện vật chất và việc học hành của các cháu. Còn các nguyện vọng khác của vợ chồng, con chính quyền địa phương không nắm được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quang Bình phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71,72, 96 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình.

Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, Điều 53; các Điều 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị K, giao cháu Hoàng Phương H, sinh ngày 25/11/2015 và cháu Hoàng Thế Tr, sinh ngày 21/4/2017 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Chị K cấp dưỡng cho anh D nuôi cháu Hoàng Phương H với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi; về phần tài sản, công nợ không xem xét đến và buộc đương sự phải chịu án phí dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Nguyên đơn chị K khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn với anh D và việc nuôi con chung của vợ chồng. Do đó Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "*ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* và bị đơn anh Hoàng Văn D cư trú tại thôn Ch, xã Y, huyện Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh D đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị K và anh Hoàng Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị K và anh D là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng tuy anh D không đến tòa án để trình bày và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho tòa án nhưng đại diện chính quyền địa phương và bà H là mẹ đẻ của anh D, là người đang cư trú cùng địa chỉ với anh D cho biết quá trình chung sống giữa chị K và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thì chính quyền địa phương và gia đình không nắm được, bà H thấy chị K và anh D cãi chửi nhau, chị K và anh D sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, chị K về nhà ngoại ở xã Hương Sơn, huyện Quang Bình sinh sống. Gia đình đã khuyên bảo chị K nhiều lần quay về chung sống với anh D nhưng không có kết quả. Chị K khẳng định tình cảm vợ chồng không còn, sống không còn tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân đến nay đã được hai năm, không còn quan tâm đến nhau vì vậy không thể tiếp tục cùng nhau chung sống. Như vậy đã đủ cơ sở để kết luận quá trình chung sống giữa chị K và anh D đã phát sinh mâu thuẫn và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị K đề nghị được ly hôn với anh D là có căn cứ, đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị K đề nghị tòa án giải quyết cho anh D là người trực tiếp nuôi Hoàng Phương H và cháu Hoàng Thế Tr. Hiện tại cả hai cháu đang ở với anh D. Cháu H và Tr đều có nguyện vọng được ở với bố. Tuy anh D không đến tòa án để trình ý kiến về việc giao con cho ai nuôi sau khi ly hôn nhưng anh D có nói với bà H nếu vợ chồng phải ly hôn anh D có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu H và Tr. Hiện tại hai cháu H và Tr được anh D nuôi dưỡng đảm bảo được cơ sở vật chất, điều kiện sống và việc học tập của các con. Vì vậy sau khi ly hôn việc giao cháu Hoàng Phương H và cháu Hoàng Thế Tr cho anh D là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu vẫn đảm bảo được mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và yêu cầu của chị K, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Anh D không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị K tự nguyện cấp dưỡng cho anh D nuôi cháu Hoàng Phương H với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Việc chị K cấp dưỡng nuôi con là thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, để đảm bảo mọi mặt về quyền lợi của con chưa thành niên, phù hợp

với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về tài sản, công nợ: Chị K trình bày vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đề nghị Tòa án không xem xét đến phần tài sản chung, công nợ chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6].Về án phí: Chị Bàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Bàn Thị K ly hôn với anh Hoàng Văn D.

* Về con chung: Anh Hoàng Văn D là người trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Hoàng Phương H sinh ngày 25/11/2015, cháu Hoàng Thế Tr, sinh ngày 21/4/2017. Chị Bàn Thị K cấp dưỡng cho anh Hoàng Văn D nuôi cháu Hoàng Phương H với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/ 1 tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng theo hàng tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ khi quyết định này có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lái suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả.

* Về án phí: Chị Bàn Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng theo định kỳ 300.000 đồng, tổng cộng 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0002302 ngày 18/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang. Chị Bàn Thị K còn phải nộp số tiền 300.000 đồng.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- UBND xã Y
(Nơi đã đăng ký Kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hải Phương